TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Số: 334/2018/QĐST-HNGĐ	*Huế, ngày 20 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 221/2018/TLST/HNGĐ ngày19 tháng 4 năm 2018, giữa :

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Như Q, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn Thượng Thủy, xã Quảng Thủy, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn: Anh Thái Công B, sinh năm 1984. Địa chỉ: 29 Nguyễn Xuân Ôn, phường Thuận Lộc, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY :

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày12 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH :

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trần Thị Như Q và anh Thái Công B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Chị Q và anh B công nhận vợ chồng có 01con chung là Thái Bảo N, sinh ngày 26/6/2016, hiện cháu N đang ở với chị Q. Hai bên thỏa thuận giao con chung cho chị Q tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên thỏa thuận anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Như Q và anh Thái Công B công nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

2.4 Về án phí:

- Án phí ly hôn: là 150.000 đồng.

- Án phí cấp dưỡng: là 150.000 đồng, anh B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Hai bên thỏa thuận chị Q chịu toàn bộ án phí là 300.000 đồng. Chị Q đã nộp tại biên lai thu số 004815 ngày 19/4/2018.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự,được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sựvà Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKSNDTP Huế
- UBND phường Thuận Lộc- Huế.
- **ĐKKH ngày 12/4/2016.**
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Huế